

Số: /KH-THCS&THPTNK

Đà Nẵng, ngày

tháng 6 năm 2025

## KẾ HOẠCH

### **Xây dựng các tổ hợp môn học lựa chọn và cụm chuyên đề học tập đối với lớp 10 năm học 2025-2026**

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình GDPT;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 761/SGDĐT-GDTrH-GDTrH-GDTrH ngày 18/3/2025 của Sở GDĐT về việc tuyển sinh lớp 1, lớp 6, lớp 10 năm học 2025-2026;

Căn cứ Kết quả họp của Hội đồng Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến;

Căn cứ tình hình thực tế về nhân sự, cơ sở vật chất của nhà trường, Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến xây dựng các tổ hợp môn học lựa chọn và cụm các chuyên đề học tập đối với lớp 10, năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

#### **1. Nội dung chương trình**

##### **a) Nội dung giáo dục**

*Các môn học và hoạt động giáo dục (GD) bắt buộc:*

Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1 (tiếng Anh); Lịch sử; Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương.

*Các môn học lựa chọn gồm 3 nhóm môn:*

- Nhóm môn khoa học xã hội: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật;
- Nhóm môn khoa học tự nhiên: Vật lí, Hóa học, Sinh học;
- Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật: Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật).

*Các chuyên đề học tập:*

Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho học sinh trung học phổ thông, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức

và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

Mỗi môn học Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. Ở lớp 10, học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

Nhà trường xây dựng các tổ hợp môn học từ 3 nhóm môn học và chuyên đề học tập nói trên để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường.

*Các môn học tự chọn:* Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2: **không có**.

#### **b) Thời lượng giáo dục**

Học kỳ 1 dạy 18 tuần, học kỳ 2 dạy 17 tuần, mỗi tuần học 6 buổi, mỗi buổi không quá 5 tiết, mỗi tiết học 45 phút.

| <b>Nội dung giáo dục</b>                 |                                       | <b>Số tiết/<br/>năm học/lớp</b> |
|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|
| Môn học bắt buộc (6)                     | <i>Ngữ văn</i>                        | 105                             |
|                                          | <i>Toán</i>                           | 105                             |
|                                          | <i>Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)</i>        | 105                             |
|                                          | <i>Giáo dục thể chất</i>              | 70                              |
|                                          | <i>Giáo dục quốc phòng và an ninh</i> | 35                              |
|                                          | <i>Lịch sử</i>                        | 54 tiết                         |
| <b>Môn học lựa chọn (3 nhóm)</b>         |                                       |                                 |
| Nhóm môn khoa học xã hội (3 môn)         | <i>Địa lí</i>                         | 70                              |
|                                          | <i>Giáo dục kinh tế và pháp luật</i>  | 70                              |
| Nhóm môn khoa học tự nhiên (3 môn)       | <i>Vật lí</i>                         | 70                              |
|                                          | <i>Hoá học</i>                        | 70                              |
|                                          | <i>Sinh học</i>                       | 70                              |
| Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật (4 môn) | <i>Công nghệ</i>                      | 70                              |
|                                          | <i>Tin học</i>                        | 70                              |
|                                          | <i>Âm nhạc</i>                        | 70                              |
|                                          | <i>Mĩ thuật</i>                       | 70                              |

|                                                            |                                  |      |
|------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|
| Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)               |                                  | 105  |
| Hoạt động GD bắt buộc                                      | <i>Hoạt động trải nghiệm, HN</i> | 105  |
| Nội dung GD bắt buộc của địa phương                        |                                  | 35   |
| Tổng số tiết học/năm học (không kể các môn học tự chọn)    |                                  | 1015 |
| Số tiết học trung bình/tuần (không kể các môn học tự chọn) |                                  | 29   |

## 2. Xây dựng phương án lựa chọn môn học cho học sinh lớp 10

Căn cứ khung chương trình giáo dục hiện hành, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn; căn cứ vào đội ngũ cán bộ giáo viên, cơ sở vật chất và điều kiện cụ thể, trường xây dựng các phương án sau cho học sinh lớp 10 lựa chọn như sau:

### a) Phương án tổ hợp

Tổng số 05 lớp chia thành **04** khối tổ hợp gồm:

- **Tổ hợp 1:** Gồm môn học và hoạt động GD bắt buộc, Vật lí, Tin học, Công nghệ KT, Công nghệ nông nghiệp; chuyên đề môn Toán, Vật lí, Tin học: 02 lớp.

- **Tổ hợp 2:** Gồm môn học và hoạt động GD bắt buộc, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ KT; chuyên đề môn Toán, Hóa học, Sinh học: 01 lớp.

- **Tổ hợp 3:** Gồm môn học và hoạt động GD bắt buộc, Địa, Vật lí, GDKTPL, Công nghệ KT; chuyên đề môn Toán, Ngữ văn, Địa: 01 lớp.

- **Tổ hợp 4:** Gồm Môn học và hoạt động GD bắt buộc, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Công nghệ KT, Công nghệ nông nghiệp; chuyên đề môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí: 01 lớp.

### b) Phương thức chọn tổ hợp môn học lựa chọn

- Điều kiện dự xét:

Học sinh trúng tuyển vào lớp 10 trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến năm học 2025-2026 theo Quyết định của Giám đốc Sở GDĐT;

Học sinh làm đơn dự xét theo mẫu của nhà trường

Học sinh đăng ký 02 tổ hợp môn học lựa chọn theo các tổ hợp nhà trường đã quy định (nguyên vọng 1 và nguyên vọng 2).

- Xét tuyển:

Học sinh có điểm trúng tuyển vào trường cao hơn thì được ưu tiên xét trước; trúng nguyện vọng 1 thì không xét nguyện vọng 2.

Học sinh xét không trúng tuyển cả 02 nguyện vọng thì học theo tổ hợp do nhà trường quy định.

## 3. Tổ chức thực hiện

### a) Lãnh đạo trường

Xây dựng kế hoạch, trình Hội đồng trường cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026 đúng theo quy định.

Công khai kế hoạch, phương án tuyển sinh đúng theo quy định.

**b) Tổ Tin học:** Xây dựng phần mềm để học sinh đăng ký tổ hợp để chọn lớp học theo các tiêu chí trên. Ngày 15/6/2025, tổ Tin học hoàn thành phần mềm và trình lãnh đạo trường kiểm duyệt.

Trên đây là Kế hoạch xây dựng các tổ hợp môn học và cụm chuyên đề học tập lựa chọn đối với lớp 10, năm học 2025-2026 của Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến./.

**Nơi nhận:**

- Sở GDĐT;
- HT, PHT;
- TTCM, TB chung;
- Website trường;
- Lưu: VT, VP<sub>CM</sub>.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Thị Kim Vân**